

Bản án số **136/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 24/8/2022.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Bản Nà Bó 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị Đơn Bà Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Bản Nà Bó 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị N, sinh năm, 1978 và anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

Anh Nguyễn Kỳ L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Nà Bó 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 19/5/2022, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H lấy nhau từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống ổn định đến năm 2000 thì chị H vi phạm pháp luật và bỏ trốn hiện nay đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra lệnh truy nã vẫn chưa bắt được.

Ông Q đã chủ động mọi biện pháp tìm kiếm và đăng phát thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không biết bà Trần Thị H đang làm gì, ở đâu. Vì vậy theo yêu cầu của ông Q ngày 04 tháng 5 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã Q định tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị H, sinh năm 1968 để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo Q định số 16/2022.

Ngày 19/5/2022 ông Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải Q cho ông Q được ly hôn với người mất tích là bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Q xác định ông Q và bà H có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Tùng L, sinh năm 1989 và cháu cháu Nguyễn Kỳ L, sinh năm 1992.

Về phần tài sản chung: Quá trình chung sống ông Q khai ông và bà H đã xây được 01 ngôi nhà 02 gian mái bằng, xây năm 1998.

Ngôi nhà xây nằm trên diện tích đất 8391m². Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Nguyễn Văn Q. Về nguồn gốc mảnh đất là của bố mẹ ông Q cho vợ chồng ông từ năm 1988.

Do ông Q cũng vi phạm pháp luật, nên sau khi ông Q đi chấp hành án trở về bà H cũng vi phạm pháp luật nên bỏ trốn, con cái còn nhỏ, không có việc làm ổn định nên ông Q phải chuyển nhượng 1 phần đất để lấy tiền cùng các con làm ăn. Vì vậy vào ngày 04 tháng 6 năm 2021 ông Q có chuyển nhượng cho gia đình chị N, anh P, địa chỉ: Tiểu khu 12, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La một diện tích đất 1.500m² trong diện tích ông Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Q số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000. Ông Q chuyển nhượng bên phần chưa xây nhà.

Sau khi có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì ông Q mới được biết trong phần đất ông và bà H đã xây nhà không nằm trong phần đất thổ cư, còn phần chuyển nhượng cho anh P, chị N thì có 200m² là đất thổ cư.

Nếu ly hôn ông đề nghị được chia đôi $\frac{1}{2}$ diện tích đất, một phần của ông và 01 phần của bà H. Phần đất của bà H ông đề nghị Tòa án tạm giao cho cháu L con trai của ông và bà H quản lý cho bà H.

Để đảm bảo khách quan ông Q đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc, thẩm định và định giá để làm căn cứ phân chia cho khách quan mọi chi phí đo đạc thẩm định, định giá ông Q xin chịu.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày.

Bà Phạm Thị N trình bày.

Vào ngày 04/6/2021 gia đình chị có nhận chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn Q 01 diện tích đất trong đó có 200m² đất thổ cư và 1300m³ đất vườn, diện tích đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Nguyễn Văn Q. Gia đình chị đã giao đủ tiền cho ông Q.

Nay ông Q ly hôn với bà Trần Thị H, gia đình chị yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải thực hiện, bàn giao đúng đủ diện tích đất đã chuyển nhượng cho gia đình chị.

Anh Nguyễn Kỳ L trình bày.

Anh Nguyễn Kỳ L là con đẻ của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H. Sau khi Tòa án giải Q cho ông Q được ly hôn với bà H, số tài sản của bà H được chia anh Nguyễn Kỳ L sẽ nhận quản lý cho bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, đã xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Q định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự, người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn bà Trần Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án Q định đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra Q định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Q định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải Quyết vụ án đề nghị HĐXX.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 16; điểm a khoản 2 Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 65; Điều 66; Điều 67 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Quá trình chung sống với nhau ông Q và bà H có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Tùng Linh, sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Kỳ L, sinh năm 1992, hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

3. Về tài sản chung đề nghị chia như sau:

Giao cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất vườn là 4826,4m² và 400m² đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Nguyễn Văn Q, có các vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Tây giáp đất nhà ông Chung, nhà ông Thọ, phía Bắc giáp núi, Phía Đông giáp đất bà Trần Thị H, phía Nam giáp đường dân sinh đổ bê tông.

Về đất ruộng có các vị trí tiếp giáp như sau.

Về đất ruộng giao cho ông Nguyễn Văn Q được sử dụng 1043m² đất ruộng phía bắc giáp đất nhà Minh; phía Tây giáp đất nhà Đoàn; phía Nam giáp đất nhà Duy, phía đông giáp đất bà H.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Q được sử dụng thành tiền là 326.733.200đ (Ba trăm, hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

Giao cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng 5203,2m² đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Q cụ thể vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Đông là đường dân sinh và khu sản xuất, phía Bắc giáp núi, phía Nam giáp đường dân sinh đã đổ bê tông, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Q.

Về tài sản trên diện tích đất 5203,2m² đã có 01 nhà xây 01 nhà cấp 4, tường chịu lực, cùng toàn bộ cây ăn quả (đã được thẩm định).

Về đất ruộng giao cho bà Trần Thị H được sử dụng 1009,7m² đất ruộng có các vị trí tiếp giáp như sau, phía bắc giáp đất nhà An; phía Tây giáp đất nhà ông Q; phía Nam giáp đất nhà Duy, nhà Đạt; phía đông giáp đất nhà Dương.

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị H được hưởng là 239.978.600đ (Hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm đồng).

Như vậy ông Nguyễn Văn Q sử dụng số tài sản tính thành tiền ông Q được hưởng là 326.733.200đ, trừ phần bà H được hưởng là 239.978.600đ. Số tiền ông Q hưởng chênh lệch với bà H là 86.754.600đ, cần chia đôi số tiền này buộc ông Q phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà H là 43.377.300đ.

4. Về quản lý tài sản của bà Trần Thị H.

Tạm giao cho anh Nguyễn Kỳ L có trách nhiệm quản lý khối tài sản của bà Trần Thị H được chia theo mục (3):

5. Buộc ông Nguyễn Văn Q, chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Việt P có trách nhiệm lập lại Hợp đồng chuyển nhượng đất theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của các bên để từ đó có căn cứ cho việc sang tên chuyển nhượng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí Tranh chấp tài sản theo phần và theo nghĩa vụ của quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu chi phí Thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải Q là đúng thẩm quyền, do bà Trần Thị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tuyên bố mất tích vào ngày 04 tháng 5 năm 2022 theo Q định số 16 tuyên bố bà Trần Thị H, sinh năm 1968, mất tích.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà H

Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H về ở với nhau không có đăng ký kết hôn, căn cứ Nghị Q số 35/2000/QH thì ông Q và bà H kết hôn với nhau trước ngày 03 tháng 01 năm 1987. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2015 quy định nên không công nhận quan hệ Hôn nhân của ông Q và bà H là vợ chồng.

Căn cứ Q định số 16/2022/QĐST/VDS ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã tuyên bố bà Trần Thị H mất tích, Q định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến ngày Tòa án mở phiên tòa bà H vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Q và bà H có với nhau 02 con chung là các cháu là cháu Nguyễn Tùng L, sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Kỳ L, sinh năm 1992. Hiện nay cả 02 cháu đã trưởng thành. Do vậy không đề cập đến việc giao cho ai trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung.

Theo lời khai, đơn yêu cầu đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ toàn bộ tài sản của ông Q và bà H để làm căn cứ phân chia.

Ngày 13/6/2022 Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản, kết quả như sau.

1. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cụ thể như sau:

Nguyên đơn và hộ liên kê xác nhận hai bên không có tranh chấp về mốc giới thửa đất thực tế hai bên đang sử dụng

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q chỉ mốc giới vị trí diện tích đất để đơn vị đo đạc, trích đo địa chính.

Kiểm tra diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản Nà Bó, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La số R260668, số vào sổ cấp GCN: 00694 QSDĐ theo Q định số 597/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2000 của UBND huyện Mộc Châu mang tên Nguyễn Văn Q.

Theo kết quả trích đo hiện trạng diện tích sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q có tổng diện tích sử dụng, theo đó:

Đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm tổng là 8391,0m².

Trong đó theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất thổ cư là 400m².

Đất vườn là 6.069,0m².

Đất lúa 1 vụ là 1922,0m².

Theo kết quả trích đo hiện trạng diện tích sử dụng đất.

Trong đó đất vườn là 10,029,6m². (tăng 3960,6m²); Đất lúa 1 vụ 2052,7m² (thực tế đo tăng là 130,7m²); Đất thổ cư 400 m² giữ nguyên không tăng.

Đối với phần đất thổ cư và đất vườn có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ M13 đến M18 dài 96,23m giáp núi đá;

+ Phía Đông từ M18 đến M26 dài 106,0m giáp đường đất R:3,0;

+ Phía Nam từ M26 đến M1 dài 91,56m giáp mép đường bê tông R:3,5;

+ Phía Tây từ M1 đến M9 dài 75,94m giáp đất nhà Chung; từ M9 đến M13 dài 71,43m giáp đất nhà Thọ.

Đối với phần đất lúa có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ M1 đến M3 dài 23,78m giáp đất nhà Minh; từ M3 đến M5 dài 29,98m giáp đất nhà An;

+ Phía Đông từ M5 đến M7 dài 22,29m giáp đất nhà Dương;

+ Phía Nam từ M7 đến M9 dài 13,82m giáp đất nhà Đạt, từ M9 đến M16 dài 55,42m giáp đất nhà Duy;

+ Phía Tây từ M16 đến M1 dài 39,92m giáp đất nhà Đoàn.

Đối với phần diện tích đất đã bán cho gia đình anh chị N - P

Tổng diện tích 1.500m² trong đó có 1.300m² đất vườn và 200m² đất thổ cư, có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Đông từ M33 đến M28 dài 41,8m giáp đất nhà Q H;

+ Phía Nam từ M28 đến M29 dài 30,0m giáp mép đường bê tông R:3,5;

+ Phía Tây từ M29 đến M35 dài 26,3m giáp đất nhà Q H; từ M35 đến M5 dài 32,8m giáp đất nhà Chung;

+ Phía Bắc từ M5 đến M33 dài 33,6m giáp đất nhà Q H.

• Về tài sản trên đất:

01 cây Mít; 01 cây Khế; 04 cây Nhãn; 01 cây Me; 01 cây Bơ. Các cây đều được trồng từ năm 2008.

01 nhà tầng, tường chịu lực 220mm, sàn mái bê tông cốt thép, nền lát gạch có diện tích 75,2m² (ngôi nhà xây không xây dựng trên phần đất thổ cư).

Tại biên bản định giá ngày 13/6/2022 như sau.

Căn cứ vào Q định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 – 2024.

Căn cứ vào Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND tỉnh Sơn La ngày 04 tháng 5 năm 2019, về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu, máy móc nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ vào Quyết định số 2393/2019/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Sơn La, về việc công bố bổ sung đơn giá xây dựng của một số loại công trình để xác định giá trị bồi thường đối với nhà ở, công trình phải tháo dỡ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La tiến hành định giá như sau:

1. Diện tích đất:

1.1. Đất:

- Thửa đất có diện tích 10,029,6m². (tăng 3960,6m²) tại Bản Nà Bó, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Trong đó có 8391m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R260668, số vào sổ cấp GCN: 00694 QSĐĐ theo Q định số 597/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2000 của UBND huyện Mộc Châu mang tên Nguyễn Văn Q).

Trong đó bao gồm:

+ Diện tích đất thổ cư thửa số 20 tờ bản đồ số 9 là 400m².

Giá trị đất: 400m² x 330.000đ = 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

+ Diện tích đất vườn thửa số 20 tờ bản đồ số 9 là 10.029,6m²

Giá trị đất: 10.029,6m² x 33.000đ = 330.976,800 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

+ Diện tích đất lúa Đất lúa 1 vụ 2052,7m² (thực tế đo tăng là 130,7m²) thửa số 93 tờ số bản đồ số 18 là 2052,7m². Giá trị đất lúa: 2052,7m² x 34.000đ = 69.791.800 đồng (Sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm đồng).

1.2: Tài sản trên đất được định giá:

- 01 cây mít cho ra quả trên 10 năm có giá trị 01 x 1.600.000 đồng/cây = 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 cây khế cho ra quả trên 10 năm có giá trị 01 x 320.000 đồng/cây = 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng); 01 cây nhãn cho ra quả trên 10 năm có giá trị 01 x 3.000.000.000 đồng/cây = 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); 01 cây me cho ra quả trên 10 năm có giá trị 01 x 390.000 đồng/cây = 390.000 đồng (Ba trăm chín mươi nghìn đồng); 01 nhà cấp 4, tường chịu lực 220mm, sàn mái bê tông cốt thép, nền lát gạch, đưa vào sử dụng năm 1998 tổng diện tích 8,82m x dài 8,52m = 75,2m² có giá trị là: 75,2m² x 3.173.000 = 238.609.600 đồng. Giá trị khấu hao là: 209. 976.400 đồng. Giá trị còn lại là: 28.633.200 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm ba ba nghìn, hai trăm đồng).

Tổng toàn bộ giá trị tài sản của ông Q và bà H được định giá là 566.711.800đ (Năm trăm, sáu mươi sáu triệu, bảy trăm mười một nghìn, tám trăm đồng).

[4] Chia tài chung nhà, đất cây ăn quả cho các bên như sau.

Giao cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất vườn là 4826,4m² và 400m² đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Nguyễn Văn Q, có các vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Tây giáp đất nhà ông Chung, nhà ông Thọ, phía Bắc giáp núi, Phía Đông giáp đất bà Trần Thị H, phía Nam giáp đường dân sinh đồ bê tông.

Về đất ruộng có các vị trí tiếp giáp như sau.

Về đất ruộng giao cho ông Nguyễn Văn Q được sử dụng 1043m² đất ruộng phía bắc giáp đất nhà Minh; phía Tây giáp đất nhà Đoàn; phía Nam giáp đất nhà Duy, phía đông giáp đất bà H.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Q được sử dụng thành tiền là 326.733.200đ (Ba trăm, hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

Giao cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng 5203,2m² đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Q cụ thể vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Đông là đường dân sinh và khu sản xuất, phía Bắc giáp núi, phía Nam giáp đường dân sinh đã đổ bê tông, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Q.

Về tài sản trên đất đã có 01 nhà xây 01 nhà cấp 4, tường chịu lực, cùng toàn bộ cây ăn quả (đã được thẩm định).

Về đất ruộng giao cho bà Trần Thị H được sử dụng 1009,7m² đất ruộng có các vị trí tiếp giáp như sau, phía bắc giáp đất nhà An; phía Tây giáp đất nhà ông Q; phía Nam giáp đất nhà Duy, nhà Đạt; phía đông giáp đất nhà Dương.

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị H được hưởng là 239.978.600đ (Hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm đồng).

Như vậy ông Nguyễn Văn Q sử dụng số tài sản tính thành tiền ông Q được hưởng là 326.733.200đ trừ phần bà H được hưởng là 239.978.600đ. Như vậy số tiền ông Q hưởng số tài sản chênh lệch so với bà H là 86.754.600đ, do đó cần chia đôi số tiền này buộc ông Q phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà H là 43.377.300đ.

[5] Về quản lý tài sản của bà Trần Thị H.

Quá trình giải Q vụ kiện, căn cứ vào ý kiến của ông Nguyễn Văn Q sau khi ly hôn ông giao cho anh Nguyễn Kỳ L là con đẻ của ông Q và bà H quản lý phần tài sản của bà H.

Tòa án đã lấy ý kiến của anh Nguyễn Kỳ L là con đẻ của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H về việc. Sau khi giải Q cho ông Q được ly hôn với bà H, số tài sản của bà H được chia sẽ tạm giao cho anh Nguyễn Kỳ L quản lý ý kiến của anh L nhất trí quản lý số tài sản của bà Trần Thị H khi Tòa án giao.

[6] Đối với phần diện tích đất ông Q đã chuyển nhượng cho gia đình anh chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Việt P:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì ông Q đã chuyển nhượng cho gia đình chị N, anh P 01 thửa đất (Thuộc diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R260668, sổ vào sổ cấp GCN: 00694 QSDĐ theo Q định số 597/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2000 của UBND huyện Mộc Châu mang tên Nguyễn Văn Q) có tổng diện tích 1.500m² bao gồm:

+ Diện tích đất thổ cư thuộc thửa số 20 tờ bản đồ số 9 là 200m². Diện tích đất vườn thửa số 20 tờ bản đồ số 9 là 1.300m².

Đối với diện tích đất ông Nguyễn Văn Q đã chuyển nhượng cho chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Việt P, thấy rằng việc ông Nguyễn Văn Q tự ý chuyển nhượng 1500m² đất (trong đó có 200m² là đất thổ cư) cho gia đình chị N, anh P khi chưa có Q định của Tòa án giải Q cho ông Q được ly hôn với bà H, chưa chia tài sản chung cho

các bên là vi phạm lẽ ra phải tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn Q và gia đình anh chị N, P là vô hiệu, tuy nhiên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân & Gia đình, xét thấy sau khi ông Q đi chấp hành trở về, bà Trần Thị H thì bỏ trốn do vi phạm pháp luật bị truy nã đến nay vẫn chưa bắt được và cũng không biết hiện nay bà H còn sống hay đã chết, ông Q đã phải chuyển nhượng diện tích đất đó cho gia đình anh chị N, P lấy tiền để ông Q cùng các con ông Q có vốn làm ăn, số tiền chuyển nhượng ông Q và các con đã chi tiêu hết, bản thân ông Q cũng xác định không có khả năng hoàn trả, nếu hoàn trả thì ông vẫn phải chuyển nhượng bằng đất cho anh chị N, P. Chính vì vậy sau khi giải Q quan hệ hôn nhân giữa ông Q với bà H sẽ chia phần đất ông Q được sử dụng vào phần đã chuyển nhượng cho chị N, anh P là phù hợp vừa đảm bảo quyền lợi cho người thứ ba.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn Q chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Việt P phải lập lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Q được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của các bên để từ đó có căn cứ cho việc sang tên chuyển nhượng.

Về nợ chung: Do ông Nguyễn Văn Q xác định không có nợ chung nên không xem xét giải Q.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Tranh chấp tài sản theo phần của ông Nguyễn Văn Q được hưởng.

Do bà Trần Thị H đã bị tuyên bố là mất tích không có mặt, quá trình giải Q vụ án theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q phải chia đôi số tài sản của ông và bà H, việc bà H phải chịu án phí là đúng, tuy nhiên hiện nay bà H đã bị tuyên bố mất tích, do đó không buộc bà H phải chịu án phí được, mà trước mắt buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí cả phần của cả bà Trần Thị H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 5; khoản 7 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trường hợp sau này bà H trở về ông Q có quyền yêu cầu bà H phải trả lại cho ông số tiền án phí mà ông phải chịu cho bà H.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật, phần này ông Q đã thực hiện thanh toán xong không có yêu cầu gì nên không đề cập việc giải Quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 16; điểm a khoản 2 Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 65; Điều 66; Điều 67 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 5; khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Quá trình chung sống với nhau ông Q và bà H có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Tùng Linh, sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Kỳ L, sinh năm 1992, hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

3. Về tài sản chung chia như sau. Giao cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất vườn là 4826,4m² và 400m² đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Nguyễn Văn Q, có các vị trí tiếp giáp như sau. Phía Tây giáp đất nhà ông Chung, nhà ông Thọ, phía Bắc giáp núi, Phía Đông giáp đất bà Trần Thị H, phía Nam giáp đường dân sinh đồ bê tông.

Về đất ruộng giao cho ông Nguyễn Văn Q được sử dụng 1043m² đất ruộng phía bắc giáp đất nhà Minh; phía Tây giáp đất nhà Đoàn; phía Nam giáp đất nhà Duy, phía đông giáp đất bà H.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Q được sử dụng thành tiền là 326.733.200đ (Ba trăm, hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

Giao cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng 5203,2m² đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 260668 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00694 QSDĐ/597/QĐUB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Q cụ thể vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Đông là đường dân sinh và khu sản xuất, phía Bắc giáp núi, phía Nam giáp đường dân sinh đã đổ bê tông, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Q.

Về tài sản trên đất đã có 01 nhà xây cấp 4, tường chịu lực, cùng toàn bộ cây ăn quả (đã được thẩm định).

Về đất ruộng giao cho bà Trần Thị H được sử dụng 1009,7m² đất ruộng có các vị trí tiếp giáp như sau, phía bắc giáp đất nhà An; phía Tây giáp đất nhà ông Q; phía Nam giáp đất nhà Duy, nhà Đạt; phía đông giáp đất nhà Dương. (Có sơ đồ kèm theo bản án)

Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị H được hưởng là 239.978.600đ (Hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà Trần Thị H là 43.377.300đ (Bốn mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Nguyễn Văn Q còn phải trả cho bà Trần Thị H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về quản lý tài sản của bà Trần Thị H.

Tạm giao cho anh Nguyễn Kỳ L có trách nhiệm quản lý khối tài sản của bà Trần Thị H được chia như mục (3).

5. Buộc ông Nguyễn Văn Q, chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Việt P có trách nhiệm lập lại Hợp đồng chuyển nhượng đất theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của các bên để từ đó có căn cứ cho việc sang tên chuyển nhượng (có sơ đồ kèm theo bản án).

6. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001765 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Tranh chấp tài sản là 14.167.800đ (Mười bốn triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng) làm tròn.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Tranh chấp tài sản theo nghĩa vụ của bà Trần Thị H phải chịu là 14.167.800đ (Mười bốn triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng) Tổng cộng ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Tranh chấp tài sản là 28.335.600đ (Hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi năm triệu đồng) làm tròn số.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn bà Trần Thị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Mường Sang, huyện Mộc Châu.
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

